

**Hồn Bướm Mơ Tiên**  
**Khái-Hung Trần Khánh Giur**

Khái-Hung là bút hiệu của nhà văn Trần Khánh Giur (1896-1947). Ông viết nhiều truyện và kịch, cây bút trụ cột của báo *Phong Hóa* (1932-1936) và *Ngày Nay* (1935-1940), thành viên của văn phái Tự Lực Văn Đoàn. Thân phụ ông là tuần-phủ Trần Mỹ có cử nhân nho-học nên ông theo nếp nhà được dạy chữ nho khi còn nhỏ. Khi ông lớn lên mới đổi sang học chữ Pháp và chữ Việt. Ngoài 20 tuổi ông mới đậu tú-tài Pháp. Ông có thời gian đi dạy học (“instituteur”), và viết bản thảo *Hồn Bướm Mơ Tiên* vào lúc này.

Từ thập niên 1920, văn chương Việt-Nam đã bắt đầu chuyển mình với đủ mọi thể loại từ khảo cứu, ký sự, phê bình đến tiểu thuyết, thi ca, kịch, v.v... và rất phong phú về nội dung: phong tục, luân lý, tả chân, truyền kỳ, xã hội, hoạt kê, ... Riêng trong lĩnh vực tiểu thuyết, trào lưu lãng mạn đã xuất hiện và nổi bật trong tiểu thuyết của các nhà văn trong văn phái Tự Lực Văn Đoàn mà *Hồn Bướm Mơ Tiên* (1933) là một tiêu biểu.

Theo lời giới thiệu của nhà văn Nhất-Linh trong *Lời Tựa* của sách, “quyển *Hồn Bướm Mơ Tiên* là quyển truyện thứ nhất của Tự-Lực Văn-Đoàn và lại là quyển truyện thứ nhất của ông Khái-Hung.”

Tình tiết của truyện xảy ra ở chùa Long-Giáng, “một ngôi danh lam ở vùng Bắc”. Sự tích về sự thành lập của chùa ly kỳ như truyện *Quán-Âm Nam-Hải Diển-ca*. Sự tích về chùa Long-Giáng được chú tiểu Lan kể cho nhân vật Ngọc, sinh viên trường Canh-Nông, cháu của sư cụ chùa Long-Giáng như sau: Vua Lý Nhân-tông bận đi đánh Chiêm-Thành và đối phó với Trung-Hoa nên không phát triển đạo Phật như các triều vua trước. Thượng-Đế bèn sai một nàng tiên xuống thế gian đầu thai làm công-chúa Văn-Khôi để nhắc nhở nhà vua. Công-chúa Văn-Khôi lớn lên xinh đẹp nhưng trong lòng chỉ nghĩ đến việc tu hành. Khi vua cha định kén phò-mã cho nàng thì công-chúa đang đêm lên trốn ra khỏi cung điện và nhờ có thần tiên dẫn đường đưa đến một ngôi chùa. Công-chúa xin thụ pháp Hoà-thượng Cao-Huyền trụ trì chùa.

Nhà vua biết được, đòi công-chúa về triều. Nhưng công-chúa nhất quyết ở lại tu tại chùa. Vua cha nổi giận, cho quan quân phóng hoả đốt chùa. Bỗng một con rồng vàng hiện lên dập tắt ngọn lửa. Nhà vua lấy làm sợ, nghĩ rằng bao lâu nay mình đã quên thi hành Phật sự và Trời Phật đã cho công-chúa xuống nhắc nhở mình. Vua bèn cho sửa sang chùa để công-chúa ở lại tu hành. Từ đó, chùa có tên là Long-Giáng.

Bắc-Ninh, nơi phát khởi ngôi chùa đầu tiên: chùa Dâu, đất phát tích của nhà Lý, cùng với bao nhiêu truyện xưa tích cũ về các thiên-sư, với các liền anh liền chị nam thanh nữ tú nổi tiếng với lối hát quan họ, đã được chọn làm bối cảnh của truyện. Vừa mở đầu sách, chúng ta đọc thấy lời hát ví của cô con gái vùng Kinh-Bắc, vừa bó lúa trên thửa ruộng vừa hát gheo người lữ hành.

*Hỡi anh đi đường cái quan,  
Dừng chân đứng lại em than vài lời.  
Đi đâu vội mấy anh ôi,  
Công việc đã có chị tôi ở nhà.*

Những lời hát ví hây còn văng vẳng bên tai, Ngọc, tên người lữ hành, đã mệt mà chùa chưa thấy đâu. Qua khỏi cánh đồng lúa, đến chân đồi, Ngọc gặp một chú tiểu. May thay chú tiểu tu ở chùa Long-Giáng và nhận ra Ngọc là cháu của Sư Cụ vì Sư Cụ vẫn thường hay nhắc đến Ngọc. Nhờ có chú tiểu chùa Long-Giáng cùng đi mà đoạn đường đến chùa dường như ngắn lại. Cảnh buổi chiều trên đường đến chùa Long-Giáng tả qua ngòi bút của nhà văn Khái Hưng đã khiến cho một người thị thành như Ngọc muốn dờn bỏ nơi phồn hoa đô hội để về tu nơi “hư không tịch mịch”.

“Gió chiều hây hây đã mát, mùi lúa chín bốc lên thơm phức, khiến Ngọc ngắm cảnh nơi thôn dã êm đềm, trong lòng biết bao tình cảm.

“Trong làn không khí yên tĩnh êm đềm, tiếng chuông thông thả, ngân nga ... như đem mùi thiên làm tăng vẻ đẹp của cảnh thiên nhiên. Lá cây rung động, ngọn khói thướt tha, bông lúa sột soạt, như cảm tiếng gọi của Mầu-Ni muốn theo về nơi hư không tịch mịch.”

Suốt bao nhiêu năm sống nơi thành thị, sinh ra và lớn lên ở đấy, có lẽ Ngọc chẳng bao giờ bước chân về nhà quê. Bây giờ, chính cái cảnh yên lặng thanh tịnh ấy lại khiến cho một người như Ngọc cũng muốn đi tu. Ngọc tưởng tượng ra cảnh đi tu và nói với chú tiểu: “Thế thì đi tu sướng lắm, chú ạ, Có cảnh đẹp ... lại có sách kinh Phật để mà quên cuộc đời náo nhiệt, phiền phức ...”

Đi mãi, rồi cũng đến nơi. Từ xa người ta đã có thể nhìn thấy chùa. Chùa Long-Giáng có những nét kiến trúc như nhiều chùa khác ở ngoài Bắc. Chùa được xây trên một ngọn đồi. Có cái giếng ở chân đồi, nằm trên con đường dẫn lên chùa. Khi gần đến nơi, người ta nhìn thấy tam quan của chùa, kiến trúc sơ sài, có ba gian hẹp, xây đứng thẳng như bức tường trên sườn đồi. Trên mái làm nhô lên một cái mái nhỏ giống như cái miếu.

Vào bên trong, cảnh nhà chùa thanh đạm giản dị, hợp với lòng tâm nguyện tu đạo của những người xuất gia theo Đức Phật. “Ngọc theo chú tiểu đi vào một tòa nhà gỗ thấp, lợp ngói, bên trong bài trí rất sơ sài. Ở gian giữa, sau cái bệ đất trên giải chiếc chiếu đã cũ là bàn thờ Tổ đặt trong một cái hậu cung xây thủng ra như cái miếu. Ngọc vén bức màn vải tây đỏ lên thì thấy lò mờ đến hai chục pho tượng (...).”

Nhà trai bài trí theo như những nhà trai các chùa.

“Ngọc đứng lên xin phép sư cụ rồi theo chú đi qua sân, tới một nếp nhà ngang dài đến gần mười gian, nhưng chỉ để ba gian làm nhà tiếp khách thập phương, còn thì ngăn ra từng buồng làm phòng ngủ. Ở đây bài trí có phần lịch sự hơn nhà Tổ, gian giữa giáp bộ sập gỗ mít, kê một cái bàn, và đôi tràng-kỷ gỗ lim, lâu ngày đã đen bóng.

Trên xà treo một cái đèn ba dây, có chụp bằng thủy tinh men trắng. Hai bên kê sát từ tường ra tới ngưỡng cửa ba bộ ghế ngựa quang dầu ghép liền với nhau.”

Bữa ăn chay ở chùa còn giản dị hơn nơi ở. “...trên chiếc mâm gỗ vuông, chỉ thấy lòng chông đĩa dưa, đĩa cà và đĩa muối vừng” và món đậu phụ kho tương. Chính sự giản dị thanh đạm này lại làm cho người trần muốn xuất gia. “Ngọc phân thì đói, phân thì cơm chay lạ miệng nên ăn ngon lắm, nghĩ bụng: cứ bảo ở chùa ăn kham khổ nhưng, dầu vừng cùng dưa, cà thì cũng chẳng kém gì thịt cá. Tự nhiên trong trí Ngọc nảy ra cái ý tưởng muốn xa lánh chốn phồn hoa.” Ở đây, Ngọc mới biết là “ở chùa chỉ ăn có hai bữa mà thôi, một bữa năm giờ sáng, và một bữa

đúng ngộ.” Chú Mộc trong chùa còn nói thêm với Ngọc rằng “Chính phép nhà chùa thì chỉ dùng được một bữa cơm trưa mà thôi.” Trong một tháng nghỉ hè ở chùa, Ngọc được biết về sinh hoạt của những người xuất-gia trong chùa Long-Giáng.

“Sur Cự, trước kia ngoài giờ tụng kinh, niệm Phật thường chỉ tĩnh tọa để trầm tư mặc tưởng đến những vấn-đề giải thoát linh hồn. Chú Mộc ngoài việc dọn dẹp, quét tước, rót nước, bung cơm, chỉ ngồi lý ở nhà ngang chuyện trò cùng ông Thiện và bà Hộ. Còn chú Lan thì ngày đêm chỉ biết chăm nom mọi việc trên chùa, thắp nhang, đốt đèn, thỉnh chuông và học tập kinh kệ.”

Ngọc lại còn biết về những danh từ và những cách xưng hô ở chùa, chẳng hạn như khi nói “sư Tổ thụ trai nghĩa là soi cơm”. Khi sư cụ gõ mõ không phải trong lúc tụng kinh thì đó là hiệu lệnh gọi đệ tử. “Nếu nghe hiệu lệnh không thưa khiến cụ đánh đến tiếng thứ tư thì chúng tôi phải ra ngay sân quỳ để chịu tội.” Khi trong nhà có người xuất gia thì không được nhận họ, xưng bác cháu nữa mà phải gọi bác là Cự (Sur Cự). Ngọc lại biết thêm về tục lệ ở chùa là người đi tu không ngồi ăn cùng mâm với người không tu hành. Khách thập-phương thì xơi cơm nước ở nhà trai, nhà trai xem như là nhà tiếp khách. Nhà Tổ thì thờ các sư Tổ, còn nhà hậu là để thờ những người không có thừa tự, ký hậu (mua hậu) ở chùa thì nhà chùa cúng cho.

Trong thời gian ở chùa Long-Giáng, Ngọc được chứng kiến một buổi đàn chay. Buổi đàn chay được nhà văn Khái Hưng mô tả rất kỹ lưỡng.

“Sáng hôm sau trong chùa Long-Giáng, kẻ tới, người lui có vẻ tấp nập rộn rịp.

Dưới nhà ngang đối diện với nhà trai, ông Hộ cùng ba, bốn người làng đến giúp việc đứng bên chiếc bàn dài, kẻ lau lá mít, kẻ đóng oản, tiếng kêu chí chát. Chốc chốc lại thất có người đội voi giấy, ngựa giấy cúng những hình nhân tới. (...)

“Lên trên chùa chàng gặp chú Lan đương cầm phất trần phẩy bụi ở các pho tượng, còn chú Mộc thì cúi lau các cây đèn nến cùng bình hương, ống hoa. Ngọc lại gần hỏi:

- Chùa ta sắp có việc gì mà có vẻ náo nhiệt thế?

Chú Mộc quay lại trả lời:

- Hôm nay bắt đầu làm chay cho vong linh ông Hàn. (...)

“Luôn hai tối, các nhà sư ở những chùa lân cận nhận được giấy mời của Sư Cự Long-Giáng tề tựu đến dự lễ rất đông.

Ngoài sân chùa, ở giữa bày ba tầng án-thư chồng lên nhau theo hình bậc thang. Hai bên cũng đều có án-thư. Nền thấp linh tinh, ánh sáng phản chiếu vào những mặt kính tròn ở các mũ giấy bày la liệt kín cả mấy hàng án-thư trông lấp lánh như các ngôi sao trên trời.

Tối nào các nhà sư cũng cắt lượt nhau tụng kinh đến tận hai, ba giờ sáng, hoặc ngồi ở chiếu giữa, hoặc đứng sát các án-thư bên. Cứ xong một lần tụng niệm lại có đánh trống lớn, trống con, thanh la, nã bạt, nghe rất là inh ỏi.

Đến tối thứ ba thì vào đàn giải kết.

Sư Cự chùa Long-Giáng vì già yếu, mà việc đàn chay lại khó nhọc, nên một đồ đệ Cự là sư ông chùa Long-Vân đứng chủ trương. Sư ông ngồi ở chiếu giữa tụng kinh một lúc lại chạy vòng quanh đàn, nghĩa là đi lượn khắp các hàng án-thư, theo nhịp nhanh hay chậm của tiếng

trống và tiếng thanh la. Sau lưng sư ông gần hai chục người chạy theo, nào tiêu, nào vãi, nào thiện-nam tín-nữ cùng là những người nhà sư chủ. (...)

Chạy xong một tuần, sư ông lại vào chiếu giữa múa mênh quyết án trông rất dẻo tay, rồi cầm kéo cắt những đồng tiền kết giấy thành hình người và treo lủng lẳng ở ba hàng dây chung quanh bàn. Cứ mỗi lần lại cắt bốn, năm đồng kỳ cho hết là tan đàn.

Trong khi ấy thì những người tùy tùng hoặc vào ngồi lễ ở sau lưng sư, hoặc đứng sang một bên, lẫn vào chỗ người đi xem.

Ngọc đứng chờ một xó, hễ thấy chạy xong một lần lại gọi chú Lan đến để nhờ giảng nghĩa hộ. Đến lần thứ ba, thứ tư thì hễ thấy Ngọc gặt sẽ một cái, Lan đã chạy vội đến ngay.

Ngọc cười hỏi Lan:

- Này chú sao lại có hai người kia chạy đàn?
- Hai người nào?
- Một người gánh một gánh cỏ, và một người buộc con ngựa giấy vào mình trông như cưỡi ngựa vậy, nhất là nghe tiếng nhạc kêu lại càng như hết lắm.
- Đây là người giữ ngựa và người cắt cỏ cho ngựa ăn, đi theo hầu thầy Đường-Tăng đi sang Tây-Tạng lấy kinh, đàn này tức là ôn những sự tích đi lấy kinh.”

Tuy nhiên, đối với người xuất-gia vào cửa Phật và tu hành đã lâu năm như Sư Cụ chùa Long-Giáng thì đàn chay không phải là một phần trong sự tu hành của người xuất-gia. Sư Cụ giảng giải cho Ngọc: “Cháu cũng nên biết rằng đạo Phật huyền bí lắm, chứ những điều cháu trông thấy ở trước mắt không phải là điều cốt yếu của đạo Phật đâu. Cho chí những việc lễ bái, đàn chay cũng là phải có để khuyên đàn bà và những kẻ vô học làm điều thiện đó thôi.”

Sau buổi đàn chay, chùa trở về với khung cảnh vắng lặng yên tĩnh thường ngày.

Buổi sáng mai ở chùa, với “Tiếng kinh du dương, mùi trầm ngào ngạt, Ngọc tưởng tượng sống trong một thế giới khác, thế giới mộng ảo ... thần tiên ...”

Trong cảnh thanh tịnh, *thần tiên* ấy của chùa Long-Giáng, chàng sinh viên trường Canh-nông thâm yêu chú tiêu Lan, một thiếu nữ cải nam trang để đi tu như trong truyện *Quan-Âm Thị-Kính*. Đây là tình tiết chính của truyện *Hồn Bướm Mơ Tiên*. Trong một buổi cùng đi sang chùa Long-Vân do sư cụ nhờ mang bánh và chè sang tạ sư ông đã giúp buổi đàn chay, Ngọc tình cờ khám phá chú tiêu Lan là gái. Ngọc thú nhận với Lan tình cảm Ngọc có với Lan từ khi mới gặp. “Cặp linh hồn ta như một điệu âm nhạc, không cảm động nhau sao được.” Cũng như công-chúa Văn-Khôi của chùa Long-Giáng, chú tiêu Lan nhất định giữ vững lời phát tâm qui-y. “Vì tôi đã thề trước Phật-tổ, thì đến chết tôi cũng giữ lời thề.” Trong ý nghĩ của Lan, “ái-tình” chỉ là “một sự cõn con ... nhỏ nhen.”

“Nhỏ nhen, nếu đem ví với lòng bác-ái. Vì lòng bác-ái mà Phật-tổ xa vợ, xa con, xa cha, xa mẹ, lang thang khắp bốn phương giới để tìm phương giải thoát cho nhân-loại.”

Khi biết Ngọc đem lòng yêu thương mình, Lan bị giảng co giữa “ái-tình và tôn-giáo”.

“Ngọc lắc đầu thờ dài: - Tôi thương hại chú quá. Tôi cũng đáng thương nhưng chú còn đáng thương gấp trăm, gấp nghìn lần. Linh hồn chú bị ái-tình và tôn-giáo, hai bên lôi kéo, mà lạy

Trời, lạy Phật, hai cái mãnh lực ấy lại tương đương nên tâm trí chú càng bị thắt chặt vào hai tròng.”

Trong tâm trạng ấy của Lan, cảnh vật lại càng làm cho lòng thêm buồn thảm.

“Mặt trời đã lặn sau dãy đồi tây. Vạn vật nhuộm màu ảm đạm.

Lá rụng!”

Nhưng sau cùng, tôn-giáo đã thắng ái-tình, lý tưởng cao thượng của Phật-tổ đã cảm hoá được Ngọc. Ngọc chấp nhận để yên cho Lan tiếp tục việc tu hành và chấp nhận “tiểu gia-đình tôi là ... hai linh hồn của đôi ta, ẩn núp dưới bóng từ-bi Phật-tổ.”

Cảnh vật chung quanh dường như cảm thông với mối tình thanh cao ấy.

“Bây giờ sắc trời dịu dịu, vạn vật như theo tiếng chuông chiều thong thả sắp rơi vào quăng êm đêm tịch mịch.

Lan đứng chấp tay tụng niệm, con mắt lơ lơ nhìn xuống con đường đất quanh co lượn khúc dưới chân đồi.

Gió chiều hiu hiu ...

Lá rụng!”

Trong *Hồn Bướm Mơ Tiên*, thiên nhiên được nhân cách hoá, đi theo cảm xúc của nhân vật như bóng với hình: lá cây rung động, ngọn gió thướt tha, cây đại ẻo lả, vạn vật dịu dàng, gió chiều hiu hắt, bóng trăng rọi đầu cành, đặc biệt hình ảnh *lá rụng* để nói về thời gian đang trôi qua, ... Nhân vật cũng bị thiên nhiên cảm hoá. Chỉ nhìn thấy “mấy nóc nhà rêu mốc chen lẫn trong đám cây rậm rạp, bốn góc bốn gác chuông vượt lên trên từng lá xanh um”, vậy mà Ngọc cũng thốt lên khen rằng: “Chùa đẹp quá.” Cảnh vật thanh tịnh chốn sơn-môn đưa lòng người về gần với cửa Phật: “Mái chùa rêu phong đã lẫn màu cùng đất, cùng cây, cùng cỏ.”; “không khí yên tĩnh êm đềm, tiếng chuông thong thả, ngân nga ... như đem mùi thiền làm tăng vẻ đẹp của cảnh thiên nhiên”. Thế giới thần-tiên lãng-mạn trong *Hồn Bướm Mơ Tiên* là thế giới của cái đẹp nhưng phù-du, vô-thường. Cả đến “ái-tình” đẹp bao nhiêu chăng nữa cũng sẽ thua “đạo từ-bi”, đạo giải-thoát, vì đời là huyễn mộng, ái-tình cũng là huyễn mộng. Tất cả những sự phản trái giữa tình cảm và lý trí, sự giằng co giữa tình yêu và niềm tin, đời sống giữa thực và mộng, sự cảm nhận của cái đẹp và sự phù du trong truyện làm cho người đọc thấm thía rõ rệt hơn chân lý của nhà Phật.

Những chi tiết về sự sinh hoạt ở chùa Long-Giáng, dù ngôi chùa chỉ do sự tưởng tượng của nhà văn Khái Hưng, có lẽ cũng giống nhiều ngôi chùa nhỏ ở miền Bắc Việt-Nam. Quyển *Hồn Bướm Mơ Tiên* đã để lại cho người đời sau một bức tranh văn vẽ về cảnh quan và sinh hoạt của một ngôi chùa thời ấy.